

Họ, tên thí sinh:

Số báo danh:

Cho biết nguyên tử khối của các nguyên tố:

H = 1; Li = 7; C = 12; N = 14; O = 16; Na = 23; Mg = 24; Al = 27; S = 32; Cl = 35,5; K = 39; Fe = 56;
Zn = 65; Rb = 85,5; Ag = 108; Cs = 133.**Câu 1:** Peptit nào sau đây **không** có phản ứng màu biure?

- A. Ala-Gly. B. Ala-Ala-Gly-Gly. C. Ala-Gly-Gly. D. Gly-Ala-Gly.

Câu 2: Hỗn hợp X gồm 3 chất: CH_2O_2 , $\text{C}_2\text{H}_4\text{O}_2$, $\text{C}_4\text{H}_8\text{O}_2$. Đốt cháy hoàn toàn một lượng hỗn hợp X, thu được 0,8 mol H_2O và m gam CO_2 . Giá trị của m là

- A. 70,40. B. 35,20. C. 17,60. D. 17,92.

Câu 3: Để bảo vệ ống thép (dẫn nước, dẫn dầu, dẫn khí đốt) bằng phương pháp điện hóa, người ta gắn vào mặt ngoài của ống thép những khối kim loại

- A. Pb. B. Zn. C. Cu. D. Ag.

Câu 4: Amin nào sau đây thuộc loại amin bậc hai?

- A. Phenylamin. B. Metylamin. C. Dimetylamin. D. Trimetylamin.

Câu 5: Để xử lí chất thải có tính axit, người ta thường dùng

- A. muối ăn. B. nước vôi. C. phen chua. D. giấm ăn.

Câu 6: Cho 3,68 gam hỗn hợp Al, Zn phản ứng với dung dịch H_2SO_4 20% (vừa đủ), thu được 0,1 mol H_2 . Khối lượng dung dịch sau phản ứng là

- A. 42,58 gam. B. 52,68 gam. C. 52,48 gam. D. 13,28 gam.

Câu 7: Kim loại nào sau đây là kim loại kiềm thổ?

- A. Ba. B. Cr. C. Fe. D. Al.

Câu 8: Thủy phân hoàn toàn một lượng tristearin trong dung dịch NaOH (vừa đủ), thu được 1 mol glixerol và

- A. 1 mol natri stearat. B. 1 mol axit stearic. C. 3 mol axit stearic. D. 3 mol natri stearat.

Câu 9: Cho dãy các oxit: MgO, FeO, CrO_3 , Cr_2O_3 . Số oxit lưỡng tính trong dãy là

- A. 3. B. 2. C. 4. D. 1.

Câu 10: Cho dãy các chất: Al, Al_2O_3 , AlCl_3 , $\text{Al}(\text{OH})_3$. Số chất trong dãy vừa phản ứng được với dung dịch NaOH, vừa phản ứng được với dung dịch HCl là

- A. 1. B. 2. C. 4. D. 3.

Câu 11: Ở nhiệt độ cao, khí H_2 khử được oxit nào sau đây?

- A. MgO. B. CuO. C. CaO. D.
- Al_2O_3
- .

Câu 12: Cho dãy các ion kim loại: K^+ , Ag^+ , Fe^{2+} , Cu^{2+} . Ion kim loại có tính oxi hóa mạnh nhất trong dãy là

- A.
- Ag^+
- . B.
- Fe^{2+}
- . C.
- K^+
- . D.
- Cu^{2+}
- .

Câu 13: Cho dãy các chất: $\text{H}_2\text{NCH}(\text{CH}_3)\text{COOH}$, $\text{C}_6\text{H}_5\text{OH}$ (phenol), $\text{CH}_3\text{COOC}_2\text{H}_5$, $\text{C}_2\text{H}_5\text{OH}$, $\text{CH}_3\text{NH}_3\text{Cl}$. Số chất trong dãy phản ứng với dung dịch KOH đun nóng là

- A. 3. B. 2. C. 5. D. 4.

Câu 14: Đun nóng dung dịch chứa m gam glucozơ với lượng dư dung dịch AgNO_3 trong NH_3 . Sau khi phản ứng xảy ra hoàn toàn, thu được 10,8 gam Ag. Giá trị của m là

- A. 8,1. B. 9,0. C. 18,0. D. 4,5.

Câu 15: Để phân biệt dung dịch CaCl_2 với dung dịch NaCl, người ta dùng dung dịch

- A.
- KNO_3
- . B.
- Na_2CO_3
- . C.
- NaNO_3
- . D.
- HNO_3
- .

Câu 16: Cho dung dịch NaOH vào dung dịch muối clorua X, lúc đầu thấy xuất hiện kết tủa màu trắng hơi xanh, sau đó chuyển dần sang màu nâu đỏ. Công thức của X là

- A. CrCl_3 . B. FeCl_2 . C. MgCl_2 . D. FeCl_3 .

Câu 17: Sản phẩm của phản ứng nhiệt nhôm luôn có

- A. Al. B. $\text{Al}(\text{OH})_3$. C. O_2 . D. Al_2O_3 .

Câu 18: Nhận xét nào sau đây **sai**?

- A. Nguyên tử của hầu hết các nguyên tố kim loại đều có ít electron ở lớp ngoài cùng.
B. Những tính chất vật lí chung của kim loại chủ yếu do các electron tự do trong mạng tinh thể kim loại gây ra.
C. Tính chất hóa học chung của kim loại là tính oxi hóa.
D. Nguyên tắc điều chế kim loại là khử ion kim loại thành nguyên tử.

Câu 19: Trong công nghiệp, một lượng lớn chất béo dùng để sản xuất

- A. glucozơ và glixerol. B. xà phòng và ancol etylic.
C. xà phòng và glixerol. D. glucozơ và ancol etylic.

Câu 20: Cho dãy các chất: tinh bột, xenlulozơ, glucozơ, fructozơ, saccarozơ. Số chất trong dãy thuộc loại monosaccarit là

- A. 2. B. 3. C. 4. D. 1.

Câu 21: Cho 10,8 gam kim loại M phản ứng hoàn toàn với khí clo dư, thu được 53,4 gam muối. Kim loại M là

- A. Al. B. Zn. C. Mg. D. Fe.

Câu 22: Ở trạng thái cơ bản, cấu hình electron lớp ngoài cùng của nguyên tử K ($Z = 19$) là

- A. $4s^1$. B. $3s^1$. C. $2s^1$. D. $3d^1$.

Câu 23: Đun nóng 0,1 mol este đơn chức X với 135 ml dung dịch NaOH 1M. Sau khi phản ứng xảy ra hoàn toàn, cô cạn dung dịch thu được ancol etylic và 9,6 gam chất rắn khan. Công thức cấu tạo của X là

- A. $\text{C}_2\text{H}_3\text{COOC}_2\text{H}_5$. B. $\text{CH}_3\text{COOC}_2\text{H}_5$. C. $\text{C}_2\text{H}_5\text{COOC}_2\text{H}_5$. D. $\text{C}_2\text{H}_5\text{COOCH}_3$.

Câu 24: Công thức của glyxin là

- A. CH_3NH_2 . B. $\text{H}_2\text{NCH}(\text{CH}_3)\text{COOH}$.
C. $\text{H}_2\text{NCH}_2\text{COOH}$. D. $\text{C}_2\text{H}_5\text{NH}_2$.

Câu 25: Cho 6,72 gam Fe phản ứng với 125 ml dung dịch HNO_3 3,2M, thu được dung dịch X và khí NO (sản phẩm khử duy nhất của N^{+5}). Biết các phản ứng xảy ra hoàn toàn, khối lượng muối trong dung dịch X là

- A. 24,20 gam. B. 21,60 gam. C. 25,32 gam. D. 29,04 gam.

Câu 26: Cho dãy các kim loại: Li, Na, Al, Ca. Số kim loại kiềm trong dãy là

- A. 1. B. 3. C. 2. D. 4.

Câu 27: Kim loại sắt **không** tan trong dung dịch

- A. HNO_3 đặc, nóng. B. H_2SO_4 đặc, nóng. C. HNO_3 đặc, nguội. D. H_2SO_4 loãng.

Câu 28: Oxit nào sau đây bị oxi hóa khi phản ứng với dung dịch HNO_3 loãng?

- A. Al_2O_3 . B. MgO. C. Fe_2O_3 . D. FeO.

Câu 29: Polime X là chất rắn trong suốt, có khả năng cho ánh sáng truyền qua tốt nên được dùng chế tạo thủy tinh hữu cơ plexiglas. Tên gọi của X là

- A. polietilen. B. poliacrilonitrin.
C. poli(vinyl clorua). D. poli(metyl metacrylat).

Câu 30: Cho 13,23 gam axit glutamic phản ứng với 200 ml dung dịch HCl 1M, thu được dung dịch X. Cho 400 ml dung dịch NaOH 1M vào X, thu được dung dịch Y. Cô cạn dung dịch Y, thu được m gam chất rắn khan. Biết các phản ứng xảy ra hoàn toàn, giá trị của m là

- A. 28,89. B. 17,19. C. 31,31. D. 29,69.

Câu 31: Dãy nào sau đây gồm các chất được xếp theo thứ tự tăng dần lực bazơ?

- A. Anilin, metylamin, amoniac. B. Anilin, amoniac, metylamin.
C. Amoniac, etylamin, anilin. D. Etylamin, anilin, amoniac.

- Câu 32:** Cho bột Al vào dung dịch KOH dư, thấy hiện tượng
- A. sủi bọt khí, bột Al không tan hết và thu được dung dịch không màu.
 - B. sủi bọt khí, bột Al tan dần đến hết và thu được dung dịch màu xanh lam.
 - C. sủi bọt khí, bột Al không tan hết và thu được dung dịch màu xanh lam.
 - D. sủi bọt khí, bột Al tan dần đến hết và thu được dung dịch không màu.
- Câu 33:** Este nào sau đây có công thức phân tử $C_4H_8O_2$?
- A. Etyl axetat.
 - B. Propyl axetat.
 - C. Vinyl axetat.
 - D. Phenyl axetat.
- Câu 34:** Sục khí nào sau đây vào dung dịch $Ca(OH)_2$ dư thấy xuất hiện kết tủa màu trắng?
- A. CO_2 .
 - B. O_2 .
 - C. HCl.
 - D. H_2 .
- Câu 35:** Polime nào sau đây được điều chế bằng phản ứng trùng ngưng?
- A. Polietilen.
 - B. Poli(etylen-terephthalat).
 - C. Poli(vinyl clorua).
 - D. Polistiren.
- Câu 36:** Ở nhiệt độ thường, kim loại Na phản ứng với nước tạo thành
- A. NaOH và H_2 .
 - B. NaOH và O_2 .
 - C. Na_2O và H_2 .
 - D. Na_2O và O_2 .
- Câu 37:** Hòa tan hoàn toàn 3,80 gam hỗn hợp 2 kim loại kiềm thuộc 2 chu kì liên tiếp trong dung dịch HCl dư, thu được 2,24 lít khí H_2 (đktc). Hai kim loại kiềm đó là
- A. K và Rb.
 - B. Na và K.
 - C. Rb và Cs.
 - D. Li và Na.
- Câu 38:** Kim loại nhôm tan được trong dung dịch
- A. NaCl.
 - B. H_2SO_4 đặc, nguội.
 - C. NaOH.
 - D. HNO_3 đặc, nguội.
- Câu 39:** Ở nhiệt độ thường, nhỏ vài giọt dung dịch iot vào hồ tinh bột thấy xuất hiện màu
- A. xanh tím.
 - B. nâu đỏ.
 - C. vàng.
 - D. hồng.
- Câu 40:** Chất X là một bazơ mạnh, được sử dụng rộng rãi trong nhiều ngành công nghiệp như sản xuất clorua vôi ($CaOCl_2$), vật liệu xây dựng. Công thức của X là
- A. NaOH.
 - B. $Ba(OH)_2$.
 - C. $Ca(OH)_2$.
 - D. KOH.

----- HẾT -----